

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2021/HSST

Ngày 12/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Kế An;

2. Bà Lê Thị Hiệp;

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Thái - Kiểm sát viên;

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2021/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Văn H**, giới tính: Nam, sinh ngày 08/10/1984. Nơi sinh: Tỉnh q. Nơi cư trú: thôn 2, xã k, huyện Đ, tỉnh N. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 03/12. Nghề nghiệp: Buôn bán.

* Quan hệ gia đình: Cha: Vũ Ngọc K, sinh năm 1949 (đã chết). Mẹ: Đồng Thị H, sinh năm 1950. Nghề nghiệp: làm vườn. Cùng địa chỉ với bị cáo. Vợ: Trương Vũ Hoàng L, sinh năm 1986, có 01 con trai sinh năm 2007, cùng ngụ tại số 35, đường số 9, phường L, thành phố T. Anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ và chuyển tạm giam từ ngày 23/4/2021 cho đến nay tại nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lay

2. Họ và tên: **Hồ Văn Minh Q**, giới tính: Nam, sinh ngày 10/8/1989. Nơi sinh: Tỉnh T. Nơi cư trú: ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 09/12. Nghề nghiệp: Làm vườn.

* Quan hệ gia đình: Cha: Hồ Văn S, sinh năm 1968. Nghề nghiệp: Làm vườn. Mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1966. Nghề nghiệp: Làm vườn. Nơi cư trú: cùng địa chỉ với bị cáo. Anh, chị, em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Vợ: Ngô Thị Phương N, sinh năm 1999, ngụ ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T, có 01

con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2021, chuyển tạm giam từ ngày 04/7/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy.

3. Họ và tên: **Trần Hoài H**, giới tính: Nam, sinh ngày 21/7/2000. Nơi sinh: Tỉnh T. Nơi cư trú: ấp B, xã TB, huyện C, tỉnh T. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Buôn bán.

* Quan hệ gia đình: Cha: Trần Văn D, sinh năm 1972, Nghề nghiệp: Làm vườn. Mẹ: Đinh Ngọc H, sinh năm 1976, Nghề nghiệp: Làm vườn. Nơi cư trú: cùng địa chỉ với bị cáo. Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/12/2020, được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ ngày 01/01/2021. Ngày 05/5/2021 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy.

4. Họ và tên: **Nguyễn Quốc C**, giới tính: Nam, sinh ngày 26/01/1997. Nơi sinh: Tỉnh H. Nơi cư trú: số 314, L, xã T, thành phố B, tỉnh Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo. Trình độ học vấn: 07/12. Nghề nghiệp: Làm thuê.

* Quan hệ gia đình: Cha: Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1970, Nghề nghiệp: Làm vườn. Mẹ: Phạm Thị H, sinh năm 1970, Nghề nghiệp: Làm vườn. Nơi cư trú: cùng địa chỉ với bị cáo. Anh, chị, em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Vợ: Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1992, ngụ số 17, P, thành phố L, tỉnh Đ (đã ly hôn), bị cáo có 01 con sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 29/12/2020, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn từ ngày 01/01/2021. Bị bắt tạm giam từ ngày 23/6/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy.

5. Họ và tên: **Phạm Văn H** (Chuột), giới tính: Nam, sinh ngày 18/2/1998. Nơi sinh: LĐ. Nơi cư trú: tổ 8, phường 1, thành phố L, tỉnh Đ. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 01/12. Nghề nghiệp: Làm vườn

* Quan hệ gia đình: Cha: Phạm Văn D, sinh năm 1976 (đã chết). Mẹ: Lê Thị Bích H, sinh năm 1981, nghề nghiệp: buôn bán. Nơi cư trú: tổ 4, phường 1, thành phố B, tỉnh Đ. Anh, chị, em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Tiền án: không. Tiền sự 02: Ngày 08/01/2020 bị Công an thành phố B, tỉnh Đ, xử phạt hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng. Ngày 18/8/2020 bị Công an thành phố B, tỉnh Đ xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/6/2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Cai Lậy. (các bị cáo có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Đinh Ngọc H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp B, xã TB, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Chị Lê Thị Thủy T, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Ấp T, xã H, thị xã C, tỉnh T (vắng mặt).
2. Chị Phạm Thị Mộng T (H) , sinh năm 1984. Nơi cư trú: Ấp H, xã X, huyện C, tỉnh T(vắng mặt).
3. Anh Nguyễn Văn Huyền L, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).
4. Chị Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Ấp M, xã K, huyện CB, tỉnh T (vắng mặt).
5. Anh Phan Quốc K, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T (có mặt).
6. Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T (có mặt).
7. Anh Nguyễn Văn Hoài P, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp Hòa An, xã Ngũ Hiệp, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (có mặt).
8. Anh Trần Thành C, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp Bình Thanh, xã Tam Bình, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).
9. Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T (có mặt).
10. Anh Nông Vũ Nhật H, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Số 298 đường L, xã T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).
11. Anh Bùi Đức T, sinh năm 1998. Nơi cư trú: 315 Đoàn Thị Đ, xã LT, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).
12. Anh Trịnh Duy Kh, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Số 249 đường L, xã LT, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).
13. Anh Phan Ngọc H, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Số 5 đường L, xã B, thành phố B, tỉnh Đ (có mặt).
14. Ông Hồ Văn S, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Ấp S, xã N, huyện C, tỉnh T (vắng mặt).
15. Chị Lê Thị Bích Hà, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Tổ 8, phường 1, Tp. B, tỉnh Đ (vắng mặt).

* Vật chứng cần đem ra xem xét tại phiên tòa: Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 28/12/2020, Vũ Văn H điện thoại nhờ Hồ Văn Minh Q liên hệ mua ma túy để cùng sử dụng với nhóm Phạm Văn H, ngụ ở thành phố B, tỉnh Đ. H đưa Q 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để mua ma túy. Q đồng ý và điện thoại cho T (không rõ họ, tên địa chỉ) hỏi mua ma túy khay (Ketamine), kẹo (thuốc lắc), tiền công giao ma túy, tổng giá tiền là 5.000.000 đồng và hẹn giao ở phòng số 05 của quán karaoke Thủy T. Địa chỉ ấp B, xã TB, huyện Cai Lậy. Khoảng 15 giờ H, Q dẫn nhóm của Phạm Văn H gồm Nông Vũ Nhật H, Nguyễn Quốc C, Phan Ngọc Hoàng, Bùi Đức T, Trịnh Duy Kh, Nguyễn Lê Minh T cùng ngụ xã L, thành phố B, tỉnh Đ đến quán karaoke Thủy T. Tại phòng số 05 của quán, sau khi Quân nhận ma túy từ người bán giao, Quân đã đưa số ma túy gồm 01 bịch ma túy khay và 05 viên kẹo (thuốc lắc) được cất giấu trong gói thuốc cho Phạm Văn H giữ và chia cho mọi người cùng sử dụng. H lấy kẹo (thuốc lắc) bẻ ra làm đôi, chia cho tất cả người trong phòng mỗi người một nửa viên, còn ma túy khay H đổ một nửa ra đĩa màu trắng để mọi người cùng sử dụng. Phần ma túy còn lại gồm $\frac{1}{2}$ ma túy khay và nửa viên kẹo (thuốc lắc) H để lại trong bao thuốc lá và đem cất giấu trên thùng loa trong phòng hát. Khi Trần Hoài H, Huỳnh Thị Thanh T (Trang) đến thì H lấy nửa viên kẹo (thuốc lắc) đưa cho H, còn ma túy khay thì H đưa cho T đổ ra đĩa để cùng nhau sử dụng. Đến 16 giờ 30 phút, lực lượng công an vào bắt quả tang tại phòng số 05 phát hiện các đối tượng H, Hiếu, H, T (tiếp viên) và Phan Quốc K, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Văn Hoài P, Trần Thành C đang sử dụng trái phép chất ma túy. Công an huyện còn phát hiện, thu giữ trên người của Trần Hoài H một cái bóp màu đen bên trong có 01 viên ma túy màu xanh được gói trong một vỏ bao kẹo hiệu CollAir màu xanh để trong túi quần phía sau bên phải của Hiếu đang mặc trên người (ký hiệu gói số 01); trên bàn giữa trong phòng thu giữ chất bột màu trắng nghi là chất ma túy để trên đĩa màu trắng được niêm phong (ký hiệu gói số 02).

+ Vật chứng thu giữ gồm: 01 cái bóp màu đen, 01 viên ma túy màu xanh (gói số 01), 01 một vỏ bao kẹo hiệu CollAir, chất bột màu trắng nghi là chất ma túy để trên đĩa màu trắng được niêm phong ký hiệu (ký hiệu gói số 02), 01 cái đĩa màu trắng, 01 miếng nhựa hình chữ nhật (loại gắn sim điện thoại có chữ Viettel), 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được quần lại dạng hình ống, 06 bịch ny lon màu trắng hàn kín xung quanh có khe bóp hở một đầu có nhiều kích thước khác nhau bên trong không chứa gì. 03 điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, màu xám và màu xanh, 01 xe mô tô hiệu SH màu trắng BKS 63B2-357.74 và 540.000 đồng của Trần Hoài H.

Tiến hành khám xét khu vực hành lang của Quán, thu giữ các vật chứng gồm: 02 viên nén màu xanh (gói số 10) và 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng xám cùng số tiền 600.000 đồng của Nguyễn Quốc C. 01 điện thoại hiệu OPPO màu đen có số điện thoại 0384040674 của Hồ Văn Minh Q. 01 điện thoại hiệu Samsung màu hồng có số thuê bao 0909081574 bị hỏng và 01 điện thoại hiệu Vtel màu đen có số thuê bao 0797228916 của Vũ Văn H. 01 điện thoại Vivo màu đỏ đen, bên trong có 01 sim điện thoại của Phạm Văn H.

Qua xét nghiệm nhanh nước tiểu 21 đối tượng nêu trên, kết quả 13 người dương tính với chất ma túy gồm: Vũ Văn H, Trần Hoài H, Phan Quốc K, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Văn Hoài P, Nguyễn Văn Huyền L, Phạm Văn H, Huỳnh Thị Thanh T, Nông Vũ Nhật H, Trịnh Duy Kh, Hồ Văn Minh Q, Nguyễn Hoàng T, Bùi Đức T. Qua làm việc 13 đối tượng trên đều khai nhận có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy loại Ketamine và thuốc lắc. 08 đối tượng kết quả âm tính với chất ma túy gồm: Phạm Thị Mộng T, Huỳnh Thị N, Nguyễn Quốc C, Phạm Văn L, Nguyễn Lê Minh T, Phan Ngọc H, Trần Thành C, Lê Thị Thủy T.

Kết luận giám định số 266/KLGD-PC09 ngày 05/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận mẫu gửi giám định như sau: mẫu 02 viên nén màu xanh để trong bì thư màu trắng được niêm phong (ký hiệu gói số 10) gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,2421 gam, loại MDMA. Hoàn lại mẫu sau giám định có khối lượng 0,1771 gam được niêm phong trong bì thư ký hiệu vụ số 226 ngày 05/01/2021.

Theo kết luận giám định số 267/KLGD-PC09 ngày 05/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận mẫu gửi giám định như sau: mẫu 01 viên nén màu xanh trong bì thư màu trắng được niêm phong (ký hiệu gói số 01) gửi giám định đều là ma túy, có tổng khối lượng 0,3402 gam, loại MDMA. Hoàn lại mẫu sau giám định có khối lượng 0,2104 gam được niêm phong trong bì thư ký hiệu vụ số 267 ngày 05/01/2021.

Theo kết luận giám định số: 268/KLGD-PC09 ngày 05/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang, kết luận mẫu gửi giám định như sau: gói 1 (ký hiệu gói số 02): Các mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,4313 gam, loại Ketamine, hoàn lại đối tượng giám định mẫu ký hiệu M1 có khối lượng 0,3752 gam được niêm phong trong bì thư ký hiệu vụ số 268/1 ngày 05/01/2021(trên bàn).

Tại bản cáo trạng số 64/CT-VKSCL ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên các tòa các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, không có ý kiến hay khiếu nại gì về các kết luận giám định nêu trên. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Xử phạt bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Hồ Văn Minh Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C và bị cáo Trần Hoài H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại các vật chứng gồm: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc C 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, trắng và số tiền 600.000 đồng. Trả lại bị cáo Vũ Văn H 01 điện thoại hiệu Samsung màu hồng có số thuê bao 0909081574 bị hỏng và 01 điện thoại hiệu Vtel màu đen có số thuê bao 0797228916. Trả lại bị cáo Trần Hoài H 03 (ba) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, màu xám và màu xanh và số tiền 540.000 đồng. Trả lại bị cáo Phạm Văn H 01 điện thoại Vivo màu đỏ, tím, đen, bên trong có 01 sim điện thoại. Trả lại cho bị cáo Hồ Văn Minh Q 01 điện thoại hiệu OPPO màu đen có số điện thoại 0384040674 do không liên quan đến hành vi phạm tội:

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm: 03 bì thư được niêm phong là mẫu được hoàn lại sau giám định ký hiệu lần lượt vụ số: 266, 267, 268/1 ghi ngày 05/01/2021, 01 cái bóp màu đen của bị cáo Trần Hoài H, 01 một vỏ bao kẹo hiệu CollAir, 01 cái đĩa màu trắng, 01 miếng nhựa hình chữ nhật (loại gắn sim điện thoại có chữ Viettel), 06 bịch ny lon màu trắng hàn kín xung quanh có khe bóp hở một đầu, có nhiều kích thước khác nhau bên trong không chứa gì do bị cấm tàng trữ trái phép và không có giá trị sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước vật chứng: 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng do là công cụ phạm tội.

Đối với Trần Thành C, Nguyễn Văn Hoài P, Huỳnh Thị Thanh T (Trang); Phan Quốc K, Nguyễn Thanh P, Nông Vũ Nhật H, Trịnh Duy Kh, Bùi Đức T được Q, H, K rủ đến hát karaoke, có sử dụng ma túy nhưng không có mua và không hút tiền mua ma túy nên không xem xét xử lý hình sự. Nguyễn Hoàng T chỉ chờ K đến quán không vào phòng sử dụng ma túy tại quán, trước đó có sử dụng ma túy cùng với bạn bè bên ngoài. Do đó, T, Ph, P, H, K, T bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã phường thị trấn nơi cư trú. Đối với T (Tr) được đưa cai nghiện

bắt buộc. K bị công an huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với đối tượng tên H là người cung cấp số điện thoại, Tuấn là người bán ma túy, Triệu là người giao ma túy, Q không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, tiến hành kiểm tra điện thoại Q không phát hiện số điện thoại Quân liên hệ mua ma túy nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Quá trình điều tra Phạm Thị Mộng T và Nguyễn Văn Huyền L hoạt động mua bán ma túy từ khoảng tháng 09/2020 đến ngày 28/12/2020 thì bị phát hiện, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cai Lậy ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can T, L về tội mua bán trái phép chất ma túy.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người làm chứng gồm: Chị Lê Thị Thủy T, chị Phạm Thị Mộng T(H), anh Nguyễn Văn Huyền L, chị Huỳnh Thị Thanh T, anh Trần Thành C, anh Nông Vũ Nhật H, anh Bùi Đức T, anh Trịnh Duy Kh, ông Hồ Văn S, chị Lê Thị Bích Hà vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho quá trình xét xử, do đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 15 giờ 30 phút, ngày 28/12/2020, tại phòng số 05 và hành lang quán karaoke Thủy T, thuộc ấp B, xã TB, huyện C, tỉnh T Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cai Lậy bắt quả tang Vũ Văn H, Hồ Văn Minh Q, Phạm Văn H có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng có khối lượng 0,4313 gam, loại Ketamine và 0,5824 gam loại MDMA. Trần Hoài H có hành vi

tàng trữ trái phép 0,3403 gam ma túy loại MDMA. Nguyễn Quốc C có hành vi tàng trữ trái phép 0,2421 gam ma túy loại MDMA nên đủ cơ sở cho Hội đồng xét xử kết luận hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ ma túy là chất bị cấm tàng trữ trái phép. Ma túy là chất gây nghiện, người sử dụng rất khó từ bỏ, nếu sử dụng lâu dài sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, làm mất dần khả năng lao động, học tập, làm việc, làm tha hóa lối sống, tạo gánh nặng cho gia đình và xã hội. Ma túy là nguồn gốc làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng cố tình thực hiện nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc là cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Tuy nhiên có xem xét, giảm nhẹ hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở thành công dân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo.

4.1. Bị cáo Vũ Văn H có nhân thân xấu: Ngày 20/01/2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xử phạt 04 năm tù giam về tội Cướp tài sản, đã chấp hành xong ngày 25/4/2009.

4.2. Bị cáo Phạm Văn H có nhân thân xấu: Ngày 25/7/2016 bị Công an thành phố B, tỉnh Đ xử phạt về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 15/8/2016 bị Công an thành phố B, tỉnh Đ, xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đều đã chấp hành xong. Bị cáo có 02 tiền sự: Ngày 08/01/2020 bị Công an thành phố B, tỉnh Đ, xử phạt hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng. Ngày 18/8/2020 bị Công an thành phố B, tỉnh Đ xử phạt về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Trong vụ án này: Bị cáo H có vai trò chủ động, lôi kéo, cung cấp tiền cho bị cáo Quân, kêu bị cáo Quân liên hệ mua ma túy. Bị cáo Hùng có vai trò chủ động, trực tiếp phân chia ma túy cho mọi người cùng sử dụng. Cả 02 bị cáo qua xét nghiệm nhanh đều dương tính chất ma túy nên giữ vai trò đầu vụ.

4.3. Bị cáo Hồ Văn Minh Q và bị cáo Trần Hoài H có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Q là người tích cực chủ động liên hệ mua ma túy để tàng trữ, sử dụng theo yêu cầu của bị cáo H, trực tiếp sử dụng ma túy cùng các bị cáo khác. Bị cáo Trần Hoài H trực tiếp sử dụng ma túy cùng các bị cáo khác, khi được phân chia ma túy thì tàng trữ lại nhằm mục đích sử dụng sau. Qua xét nghiệm nhanh cả hai đều dương tính chất ma túy nên cả hai bị cáo giữ vai trò giúp sức tích cực.

4.4. Bị cáo Nguyễn Quốc C có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, không trực tiếp sử dụng ma túy cùng các bị cáo khác, khi được phân chia ma túy thì không trực tiếp sử dụng nhưng tàng trữ trái phép, qua xét nghiệm nhanh không dương tính chất ma túy nên hành vi, tính chất, mức độ phạm tội nhẹ hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[5] về trách nhiệm dân sự: Người có QLNVLQ Đinh Ngọc H đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát 63B2 – 357.74 và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về vật chứng: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về áp dụng hình phạt đối với các bị cáo C, H, H là phù hợp quy định pháp luật, nội dung vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo H, bị cáo Q là có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần.

[8] Về các vấn đề khác trong vụ án:

8.1. Đối với Nguyễn Hoàng T, Trần Thành C, Nguyễn Văn Hoài P, Huỳnh Thị Thanh T (Trang); Phan Quốc K, Nguyễn Thanh P, Nông Vũ Nhật H, Trịnh Duy Kh, Bùi Đức T được Q, H, Kiệt có sử dụng ma túy chung với các bị cáo nhưng cơ quan điều tra không chứng minh được họ có mua và hùn tiền mua ma túy nên không xem xét xử lý hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

8.2. Đối với đối tượng tên H là người cung cấp số điện thoại, T là người bán ma túy, T là người giao ma túy bị cáo Q không biết họ tên, địa chỉ cụ thể, tiến hành kiểm tra điện thoại của bị cáo Q không phát hiện số điện thoại liên hệ mua ma túy nên không có căn cứ điều tra, xác minh. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

8.3. Quá trình điều tra chứng minh được Phạm Thị Mộng T, Nguyễn Văn Huyền L có hoạt động mua bán ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Cai Lậy đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với T, L về tội mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án khác là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo: Vũ Văn H, Phạm Văn H, Hồ Văn Minh Q, Trần Hoài H, Nguyễn Quốc C phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Áp dụng: Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 23/4/2021.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn H01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 23/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Hồ Văn Minh Q 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 01/7/2021.

- Xử phạt bị cáo Trần Hoài H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 05/5/2021 được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 01/01/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc C 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 23/6/2021 được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 29/12/2020 đến ngày 01/01/2021.

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Quốc C 01 cái điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, trắng và số tiền 600.000 đồng. Trả lại bị cáo Vũ Văn H 01 điện thoại hiệu Samsung màu hồng có số thuê bao 0909081574 bị hỏng và 01 điện thoại hiệu Vtel màu đen có số thuê bao 0797228916. Trả lại bị cáo Trần Hoài H 03 (ba) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen, màu xám và màu xanh và số tiền 540.000 đồng. Trả lại bị cáo Phạm Văn H01 điện thoại Vivo màu đỏ, tím, đen bên trong có 01 sim điện thoại. Trả lại cho bị cáo Hồ Văn Minh Q 01 điện thoại hiệu OPPO màu đen có số điện thoại 0384040674.

- Tịch thu, tiêu hủy: 03 bì thư được niêm phong là mẫu được hoàn lại sau giám định ký hiệu lần lượt vụ số: 266, 267, 268/1 ghi ngày 05/01/2021, 01 cái bóp màu đen, 01 một vỏ bao kẹo hiệu CollAir, 01 cái đĩa màu trắng, 01 miếng nhựa hình chữ nhật (loại gắn sim điện thoại có chữ Viettel), 06 bịch ny lon màu trắng hàn kín xung quanh có khe bóp hở một đầu, có nhiều kích thước khác nhau bên trong không chứa gì (theo biên bản giao nhận vật chứng số 04 ngày 25/10/2021).

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng.

Ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí: Các bị cáo: Vũ Văn H, Phạm Văn H, Hồ Văn Minh Q, Trần Hoài H, Nguyễn Quốc C mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Công an huyện Cai Lậy;
- THADS huyện Cai Lậy;
- UBND N;
- UBND TB;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh N;
- UBND xã L, thành phố B, tỉnh Đ;
- UBND Phường 1, thành phố B, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Văn Phúc